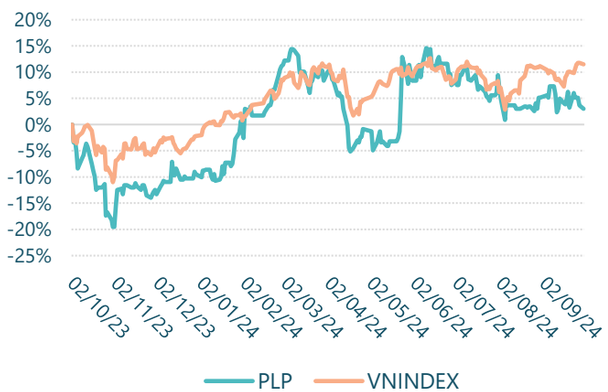
CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	4,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.0%	**-4.2%**	**-6.6%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,750 - 5,340
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
Số lượng CPLH (CP)	69,999,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,705
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.47
EPS	-29
P/E	-167.4

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

517

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 3.4%

YoY: ▲ 73.0 | 16.4%

Nợ/VCSH

Q3/24

181%

YoY: +/-▲ 16.6%

LN gộp

Q3/24

17.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.80 | 101%

YoY: ▼19.0 | -52.2%

ROE (TTM)

Q3/24

-0.2%

YoY: +/-▼ 0.9%

LN trước thuế

Q3/24

0.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.8 | -98.2%

YoY: ▼7.98 | -96.0%

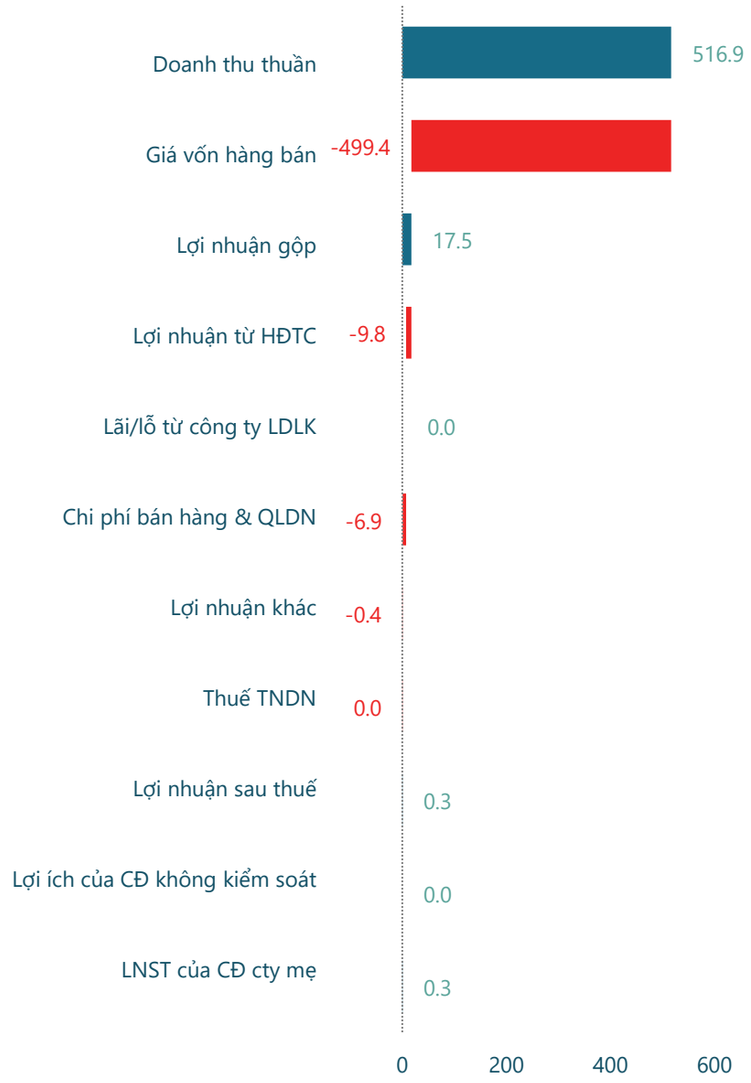
ROA (TTM)

Q3/24

-0.1%

YoY: +/-▼ 0.4%

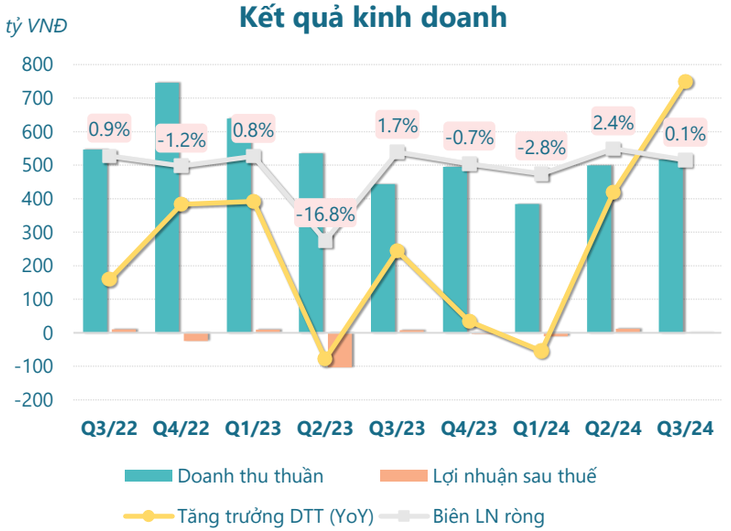
Kết quả kinh doanh Q3/24



CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP)

FireAnt

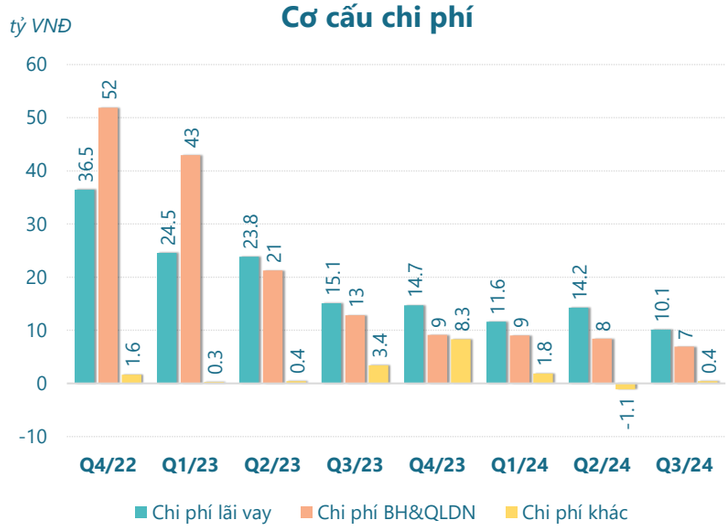
Kết quả kinh doanh



Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.72 tỷ đồng**, giảm đi 95.7% so với kỳ trước và thấp hơn 91.9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 9.83 tỷ đồng** giảm đi 159% so với kỳ trước và tăng thêm 4.89 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.39 tỷ đồng** giảm đi 131% so với kỳ trước và tăng thêm 0.20 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

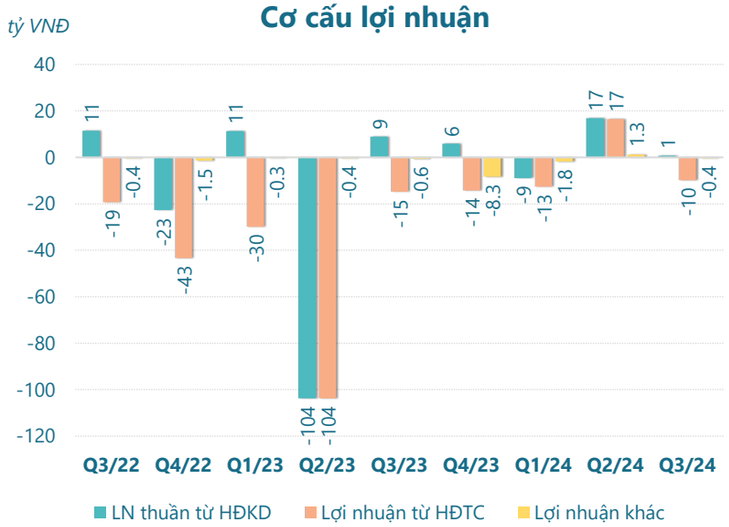
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **PLP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **516.9 tỷ đồng** tăng thêm **16.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.31 tỷ đồng**, **giảm sút 95.8%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,401 tỷ đồng** thấp hơn 13.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2.00 tỷ đồng** tăng thêm 89.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **10.13 tỷ đồng** giảm đi 28.8% so với kỳ trước và thấp hơn 32.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.91 tỷ đồng** giảm đi 17.7% so với kỳ trước và thấp hơn 46.1% so với cùng kỳ năm trước.

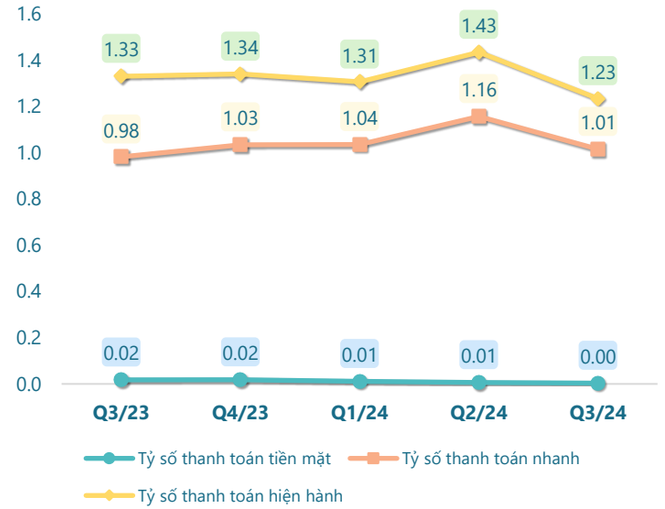
Chi phí khác bằng **0.41 tỷ đồng** tăng thêm 1.54 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 88.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP)

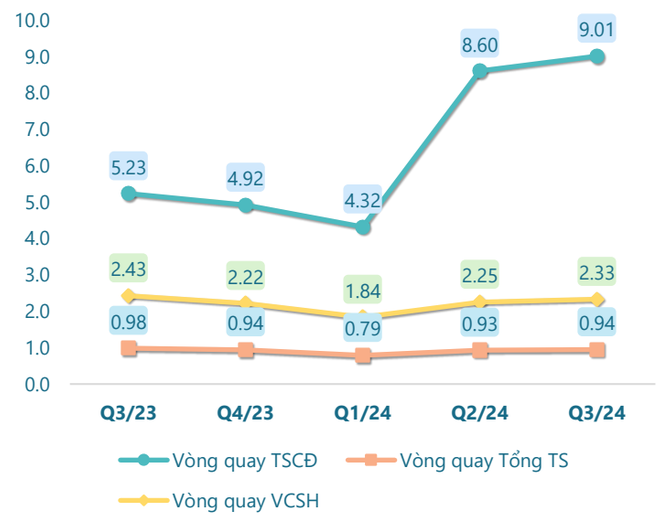
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**517**	**500**	**3.4%**	**444**	**16.4%**	**1,401**	**1,618**	**-13.4%**
Giá vốn hàng bán	499	491	1.7%	407	22.7%	1,362	1,476	-7.7%
Lợi nhuận gộp	17.5	8.70	101%	36.5	-52.2%	38.8	142	-72.6%
Doanh thu HĐTC	0.30	31.8	-99.1%	1.19	-74.6%	32.7	5.22	527%
Chi phí TC	10.1	15.3	-33.8%	15.9	-36.3%	38.6	154	-74.9%
Chi phí lãi vay	10.1	14.2	-28.6%	15.1	-32.9%	35.9	63.5	-43.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.31	5.13	-55.0%	5.96	-61.2%	12.3	41.6	-70.3%
Chi phí QLDN	**4.60**	**3.27**	**40.7%**	**6.87**	**-33.0%**	**12.0**	**35.5**	**-66.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.72	16.8	-95.7%	8.90	-91.9%	8.63	-83.5	110%
Lợi nhuận khác	**-0.39**	**1.26**	**-131%**	**-0.59**	**34.6%**	**-0.97**	**-1.27**	**23.9%**
LN trước thuế	0.33	18.1	-98.2%	8.31	-96.0%	7.66	-84.8	109%
Lợi nhuận sau thuế	**0.31**	**12.1**	**-97.5%**	**7.41**	**-95.9%**	**1.69**	**-86.5**	**102%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.31**	**12.1**	**-97.5%**	**7.51**	**-95.9%**	**1.69**	**-76.8**	**102%**

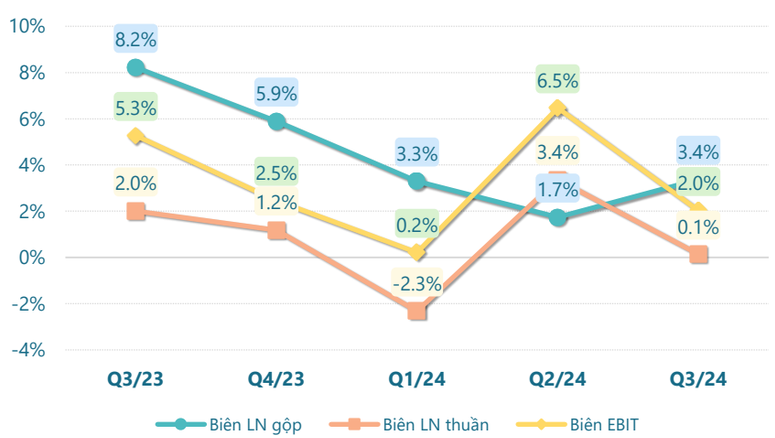
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

